

TÍN DỤNG NHẪM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Phạm Ngọc Dũng* - TS. Bùi Thị Mến**

Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là định hướng của Việt Nam trong Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025. Xu hướng tăng trưởng tín dụng xanh cho khu vực nông nghiệp nhằm hướng đến mục tiêu “kép” là tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường cũng được quan tâm thời gian qua. Những năm gần đây các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững theo hướng xanh, sạch ngày càng được nhiều tổ chức tín dụng quan tâm với nhiều gói tín dụng ưu đãi. Bằng cách phân tích các chính sách, quy định đã có về tín dụng nông nghiệp nông thôn và sử dụng các số liệu thu thập từ báo liên quan, bài viết này thực hiện phân tích hiện trạng tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng nông nghiệp xanh ở Việt Nam qua đó đề xuất một số kiến nghị đối với chủ thể cho vay, đối tượng sử dụng vốn, Ngân hàng Nhà nước nhằm thúc đẩy nguồn vốn phát triển nông nghiệp bền vững.

• Từ khóa: cho vay, vốn tín dụng, nông nghiệp bền vững.

Sustainable agriculture and rural development is Vietnam's orientation in the agricultural restructuring plan for the period 2021 - 2025. The green credit growth trend in the agricultural sectors aiming at “dual” goals is the growth focusing on economic growth associated with environmental protection, which has also been received attention in the current period. In recent years, sustainable agricultural production models in the direction of green and clean have attracted more and more attention from credit institutions with many preferential credit packages. By analyzing existing policies and regulations on rural agricultural credit and using data collected from relevant reports, this research analyzes the current status of access to and use of green agricultural capital in Vietnam; thereby proposing a number of recommendations to lenders, capital users, and the State Bank of Vietnam with the aim of promoting capital resources for sustainable agricultural development.

• Keywords: credit capital, sustainable agriculture, agricultural lending.

Ngày nhận bài: 15/11/2021

Ngày gửi phản biện: 20/11/2021

Ngày nhận kết quả phản biện: 02/12/2021

Ngày chấp nhận đăng: 30/01/2022

1. Đặt vấn đề

Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ Việt Nam đã đề ra mục tiêu chung là tiến tới cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Các sản phẩm nông nghiệp được cơ cấu theo ba nhóm gồm: Nhóm sản phẩm quốc gia; nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; nhóm sản phẩm đặc sản địa phương. Trong đó, nhóm sản phẩm địa phương: Tập trung triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm v.v. Nhân tố quan trọng có thể ảnh hưởng tới sự thành công của Chương trình này là việc huy động nguồn lực về vốn và chính sách cho vay, gắn với phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững. Để xây dựng các khuyến nghị nhằm thúc đẩy vốn tín dụng phát triển nông nghiệp bền vững, bài viết tiến hành xem xét đặc thù của vốn tín dụng cho nông nghiệp nói chung; đồng thời tại Việt Nam

* Học viện Tài chính ** Học viện Ngân hàng

bài viết thực hiện phân tích thực trạng vốn tín dụng theo 2 nhóm gồm: vốn cho các chương trình nông nghiệp và vốn cho hộ sản xuất nông nghiệp.

2. Cho vay nông nghiệp

Cho vay nông nghiệp, nông thôn vốn đã có nhiều điểm khác biệt so với cho vay ở các lĩnh vực còn lại của nền kinh tế. Có thể kể đến như khách hàng vay đa dạng, nhiều thành phần, khoản vay tiềm ẩn rủi ro cao.v.v.

-Khách hàng vay thuộc nhiều thành phần.Tại nhiều quốc gia đang phát triển, số hộ gia đình nông thôn chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu dân số, do đó hệ thống tài chính cấp tín dụng cho lĩnh vực này khá đa dạng về thành phần. Tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất nông nghiệp có qui mô nhỏ, số lượng đông lại mang tính thời vụ làm cho chi phí tổ chức cho vay của ngân hàng cao. Các NHTM có nhiều cơ hội đầu tư/cho vay các lĩnh vực hấp dẫn hơn như thương mại hoặc các ngành công nghiệp có tiềm năng tăng trưởng mà nguy cơ rủi ro thấp thay vì cho vay nông nghiệp nông thôn trong khi tỷ suất sinh lời lại thấp. Tại nhiều nước, Chính phủ quy định áp hạn mức tín dụng sàn (credit floors) đối với nông nghiệp nông thôn. Đối với trường hợp áp dụng hạn mức tín dụng sàn với nông nghiệp, các NHTM có xu hướng hoàn thành trách nhiệm khá miễn cưỡng hoặc tìm cách lách khi chỉ cho vay đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại các sản phẩm nông nghiệp (ví dụ xuất nhập khẩu nông sản,...); hoặc hoạt động trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm nông nghiệp. Như thế, sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, đặc biệt là ở quy mô hộ gia đình nông thôn gặp khó khăn ít nhiều khi tiếp cận vốn chính thức. Để giải quyết vấn đề này, nhiều quốc gia cho phép thành lập một số NHTM chuyên tập trung cho vay nông nghiệp nông thôn. Những loại hình ngân hàng này được tiếp cận nguồn vốn giá rẻ, lãi suất chiết khấu/tái chiết khấu thấp.

- Các khoản vay tiềm ẩn rủi ro cao do thiên tai, dịch bệnh, thị trường

- Đòi hỏi chính sách xử lý nợ đặc thù.Vấn đề xử lý nợ thường phải xem xét đến điều kiện của sản xuất nông nghiệp. Người nông dân, doanh nghiệp nông nghiệp, thường gặp khó khăn trong

trả nợ khi bị thiên tai hay dịch bệnh, biến động giá đầu vào hoặc thị trường đầu ra.

3. Thực trạng cho vay nông nghiệp, nông thôn ở nước ta

Trong vòng 10 năm trở lại đây, nông nghiệp Việt Nam có những bước phát triển đột phá và đồng thời cũng có nhu cầu ngày càng lớn về tín dụng, để từng bước chuyển đổi cơ cấu và tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Đảng và Nhà nước đã có nhiều quan tâm nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn cho các lĩnh vực nông nghiệp.Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị định 41/2010/NĐ-CP và Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông dân, nông thônvới nhiều điểm đột phá, như: Nâng gấp đôi mức cho vay không có tài sản bảo đảm đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình; Bổ sung chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đầu mối liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; Hoàn thiện chính sách xử lý rủi ro đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng; Bổ sung quy định về quản lý dòng tiền liên kết trong sản xuất nông nghiệp, góp phần hạn chế rủi ro tín dụng và khuyến khích tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay v.v... Mặt khác, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã ban hành nhiều văn bản để hướng tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp, kể cả quy định dư nợ tín dụng nông nghiệp phải bảo đảm không thấp hơn 20% tổng dư nợ tín dụng hàng năm của các NHTM.Với nguồn vốn và hình thức cho vay đa dạng, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu trở thành một trong những lĩnh vực ưu tiên trong chính sách tín dụng hiện nay.

3.1. Các chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn

- Chính sách cho vay thu mua nông sản xuất khẩu

Xuất khẩu nông sản đã đem lại giá trị xuất khẩu lớn cho nền kinh tế, liên quan đến việc làm và thu nhập của nhiều hộ gia đình. Do đó, việc đáp ứng kịp thời về vốn cho lĩnh vực này có tác động tích cực nhiều chiều, đặc biệt là bảo đảm giá thu mua lúa gạo cho hộ nông dân, cũng như chiến lược phát triển ngành này của quốc gia.

Về triển khai thực hiện chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết 14/NQ-CP của Chính phủ, NHNN đã phối hợp với các cơ quan liên quan (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ), lựa chọn 28 doanh nghiệp trong toàn quốc triển khai thực hiện 31 doanh nghiệp tham gia chương trình cho vay thí điểm mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Các doanh nghiệp được lựa chọn hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực: kinh doanh lúa gạo; nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong ngành trồng trọt, chăn nuôi; sản xuất rau an toàn; trồng và chế biến mía đường; đánh bắt, thu mua, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng hải sản; sản xuất các mặt hàng nông sản khác, như: mủ cao su, tinh bột sắn, ngô. Các doanh nghiệp này hoạt động ở 22 tỉnh thành Việt Nam, trải khắp các vùng: đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, miền Đông Nam bộ, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; Trung du và miền núi phía Bắc.

- Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ cũng đang cho thấy nhiều kết quả tích cực.

- Chính sách cho vay phục vụ tái canh cây cà-phê ở khu vực Tây Nguyên, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai mạnh mẽ chương trình này, đã tổ chức hội thảo tại Đắk Lắk, diễn đàn tại Lâm Đồng.

- Chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra theo Quyết định số 540/QĐ-TTg, ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư 26/2014/TT-NHNN, ngày 16/9/2014, quy định về việc ngân hàng thương mại Việt Nam tái cấp vốn đối với các TCTD bằng đồng Việt Nam. Bên cạnh đó, các TCTD tiếp tục đẩy mạnh cho vay mới, cho vay các dự án có hiệu quả trong lĩnh vực này.

- Chính sách tín dụng hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, ngày 15/8/2014, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 22/2014/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện chính sách này;

đồng thời, phối hợp với một số địa phương và bộ ngành liên quan tổ chức hội nghị triển khai tại chỗ để phổ biến rõ hơn chính sách, cũng như nắm bắt khó khăn và có biện pháp tháo gỡ.

- Chính sách tín dụng thực hiện Chương trình “mỗi xã một sản phẩm”, NHNN Việt Nam đã cụ thể hóa nhiệm vụ thực hiện Chương trình về “chỉ đạo, hướng dẫn các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tiếp cận nguồn vốn vay để tổ chức sản xuất” tại Văn bản số 4488/NHNN-TD ngày 15/6/2018, với việc yêu cầu các tổ chức tín dụng, NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ nhằm thúc đẩy việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của người dân, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tiếp cận nguồn vốn vay, góp phần thực hiện thành công Chương trình “mỗi xã một sản phẩm”.

3.2. Cho vay đối với hộ cá thể, tổ chức phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn

Để phù hợp với nhu cầu vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp trong thực tế, tại Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP mức cho vay tối đa không có tài sản bảo đảm của một số khách hàng cá nhân, hộ gia đình đã được điều chỉnh nâng lên; đồng thời, đối với tổ chức, cá nhân có dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nông nghiệp được xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm lên đến 70-80% giá trị phương án sản xuất kinh doanh. Trong Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân được vay vốn kinh doanh phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo nhiều phương thức và quy trình thủ tục cho vay phù hợp tùy vào phương án, dự án sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống, mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng như cho vay lưu vụ, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay từng lần và các phương thức cho vay khác phù hợp với quy định pháp luật.

Bảng 1: Hạn mức vay nông nghiệp

Đối tượng	Số tiền vay tối đa (Triệu đồng)
Cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài nông thôn nhưng có hoạt động sản xuất nông nghiệp	100
Cá nhân, hộ gia đình cư trú trên địa bàn nông thôn	200
Cá nhân, hộ gia đình trồng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	20
Tổ hợp tác và hộ kinh doanh	300
Hộ nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác xa bờ có ký hợp đồng tiêu thụ với các tổ chức chế biến và xuất khẩu trực tiếp	500
Hợp tác xã, chủ trang trại trên đại bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất nông nghiệp	1.000
Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác xa bờ, chủ trang trại nuôi trồng thủy sản	2.000
Liên hiệp hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác xa bờ	3.000

Nguồn: Chính phủ (2018), Nghị định Số 116/2018/NĐ-CP

Hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, nhiều chính sách, cơ chế của Nhà nước được ban hành nhằm khuyến khích cá mô hình sản xuất nông nghiệp sạch hoặc nông nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, người đi vay vốn sản xuất nông nghiệp công nghệ cao sẽ khắt khe hơn so với vốn nông nghiệp thông thường. Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao phải khẳng định được tính lâu dài, có quy mô và sản xuất bài bản. Ngân hàng sẽ yêu cầu doanh nghiệp, hộ nông dân phải chứng minh được dòng tiền. Các minh chứng cần có như dự án có các hợp đồng tiêu thụ ổn định, chủ dự án phải mở tài khoản tại ngân hàng vay vốn để ngân hàng kiểm soát dòng tiền của doanh nghiệp mới có cơ sở cho vay ưu đãi.

Đối với các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, nguồn vốn để cho vay ưu đãi cũng đa số huy động từ nguồn tiền nhân dân trong dân cư và bằng cách tiết giảm chi phí mới có nguồn cho vay ưu đãi nên họ buộc phải yêu cầu điều kiện cho vay khắt khe hơn.

3.3. Một số đánh giá

Chương trình, chính sách vay đa dạng giúp gia tăng cơ hội cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng trong nông nghiệp. Đối với các khoản vay nông nghiệp nông thôn, các TCTD đã phát triển các sản phẩm tín dụng, hình thức cấp tín dụng với quy trình thủ tục ngày càng đơn

giản, thông qua việc áp dụng hình thức cho vay lưu vụ, cho vay qua sổ tín dụng, cho vay thông qua các tổ, nhóm của các tổ chức chính trị - xã hội, triển khai ngân hàng lưu động xuống tận địa bàn để cho vay, thu nợ thay vì người dân phải đến trụ sở ngân hàng... với các thủ tục đơn giản, phù hợp với đặc thù của lĩnh vực này. Trong Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới năm 2020, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam tăng 7 bậc so với 2019, từ thứ bậc 32 lên 25, xếp hạng 25/190 nước. Bên cạnh đó, liên tiếp 5 năm gần đây NHNN luôn dẫn đầu về chỉ số cải cách hành chính (Par-index) trong số các Bộ, ngành. Điều này phản ánh những nỗ lực của các chủ thể nhằm cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho khách hàng. Tín dụng nông nghiệp, nông thôn tăng trưởng khá. Tăng trưởng tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 19,83%, cao hơn mức tăng tín dụng chung của nền kinh tế (16,02%). Mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn và dịch tả lợn Châu Phi v.v nhưng tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn vẫn đạt mức tăng trưởng khá, đến nửa cuối năm 2020 đạt trên 2,16 triệu tỷ đồng với trên 14 triệu lượt khách hàng còn dư nợ, tăng 5,84% so với cuối năm 2019 và tăng gấp 2,5 lần so với đầu năm 2016, chiếm gần 25% tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế.

Tuy nhiên còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Các chủ thể cung cấp tín dụng tham gia cho vay nông nghiệp nông thôn có mạng lưới rộng khắp nhưng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn sản xuất của người dân. Việt Nam hiện có có trên 80 tổ chức tín dụng và 1.181 quỹ tín dụng nhân dân tham gia cho vay nông nghiệp nông thôn, với mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch rộng khắp đến tận thôn bản, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa để cung ứng vốn phục vụ phát triển lĩnh vực này. Tuy nhiên, nhiều bằng chứng cho thấy, người dân vẫn phải tiếp cận các khoản vay phi chính thức với rủi ro cao. Vấn đề đặt ra là trong khi dịch vụ tín dụng do các tổ chức tài chính chính thức cung cấp lại ít được sử dụng hơn so với các phương thức khác? Các nguyên nhân được chỉ ra cũng tương tự như trường hợp người dân gửi tiết kiệm, cụ thể là: khoảng cách địa lý; điều kiện và quy trình vay vốn (WB, 2018).

- Còn tồn tại việc sử dụng nguồn vốn phi chính thức, rủi ro cao

Tại Việt Nam, quy trình cho vay của các tổ chức tín dụng được cải thiện đáng kể, khách hàng có thể tiếp cận một số sản phẩm vay, thậm chí là tức thì. Tuy nhiên, những ràng buộc để đảm bảo giảm thiểu rủi ro khiến cho ngân hàng, tổ chức tài chính phải thắt chặt các điều kiện vay. Nhiều người nông dân không thể tiếp cận các nguồn vốn tín dụng hỗ trợ này vì quy trình phức tạp, không thống nhất ví dụ như yêu cầu tỷ lệ nội địa tối thiểu để cho vay mua máy, vấn đề liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sử dụng các dịch vụ máy móc nông nghiệp với hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân v.v...

Trong khi đó, các đối tượng cho vay theo hình thức tín dụng đen đã biết tận dụng lợi thế cho vay nhanh, không cần thẩm định, thủ tục đơn giản để đánh vào tâm lý của đại bộ phận dân chúng. Với tín dụng đen, người vay không phải chờ đợi lâu, các tờ rơi, quảng cáo, số điện thoại của người cho vay dán, treo khắp nơi, từ gốc cây cổ thụ trên đường đến từng con hẻm trong phố; ở các vùng nông thôn, người dân sẽ nhìn thấy các quảng cáo rao vặt ngay trên bức tường rào hay cổng nhà của họ. Còn nếu dùng di động hoặc các thiết bị kết nối mạng thì thông tin còn dễ dàng gặp bẫy. Dễ tiếp cận, dễ sử dụng và đạt được số tiền vay như kỳ vọng là điều giúp cho tín dụng đen có mức độ phủ sóng rộng khắp. Tín dụng đen tựa như các cơn bão lớn nhỏ, nó can quét từ thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất cho đến các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa. Số liệu ước tính trong vòng 4 năm từ 2013- 2017 được công bố tại Hội nghị trực tuyến triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, hạn chế tín dụng đen của NHNN Việt Nam cho thấy, cả nước có khoảng 7.624 vụ phạm tội liên quan đến tín dụng đen, trong đó 56 vụ giết người, 398 vụ cố ý gây thương tích, 629 vụ cướp tài sản, 1.809 vụ lừa đảo. Tính riêng trong năm 2018, cả nước chứng kiến tới 84 vụ giết người, 855 vụ cố tình gây thương tích, 105 vụ cướp tài sản và trên 1.309 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản liên quan đến tín dụng đen. Như vậy, để người vay tiếp cận được nguồn vốn, ngoài ưu đãi về lãi suất, điều kiện vay, cần thúc đẩy đơn giản hóa các thủ tục vay để người dân tiếp cận một cách kịp thời với những khoản vay chính thức.

4. Một số khuyến nghị

* Đối với đối tượng vay vốn

- Hỗ trợ nâng cao năng suất lao động cho đối tượng vay vốn

Để việc tiếp cận và sử dụng vốn vay nông nghiệp nông thôn đạt hiệu quả cao, người vay vốn cần cần sự phối hợp, hộ gia đình cần được hỗ trợ nâng cao năng suất lao động và nhận thức về quản lý tài chính. Trong đó, các hỗ trợ nâng cao năng suất lao động cho hộ gia đình cần sự phối hợp tích cực giữa chính quyền, các ngân hàng và các tổ chức khuyến nông. Tổ chức khuyến nông là đơn vị đứng ra tổ chức các chương trình hướng dẫn sản xuất kinh doanh, chuyển giao các công nghệ hiện đại. Trong khi đó chính quyền địa phương chịu trách nhiệm vận động, tuyên truyền người dân tham gia các chương trình, trao đổi kinh nghiệm sản xuất. Về phía ngân hàng, các cán bộ cần theo dõi, kịp thời ghi nhận những hộ gia đình là khách hàng đang vay vốn gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, kỹ thuật còn yếu kém, để đưa đối tượng được tham gia các chương trình trao đổi kỹ thuật, hướng dẫn kỹ năng với các đơn vị chức năng.

- Hỗ trợ cải thiện nhận thức về quản lý tài chính của đối tượng vay vốn

Các giải pháp hỗ trợ nâng cao nhận thức quản lý về tài chính cần sự tham gia tích cực từ phía ngân hàng và các tổ vay vốn. Với nhận thức tài chính còn nhiều hạn chế, hộ gia đình gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý vốn vay, và sử dụng vốn vay hiệu quả. Các ngân hàng cần triển khai các buổi sinh hoạt tập trung giữa tổ vay vốn và đại diện hộ gia đình. Trong các buổi sinh hoạt, nội dung chính sẽ xoay quanh vấn đề về việc sử dụng tiền vay hiệu quả, tiết kiệm và tích lũy trả nợ vay cho ngân hàng như thế nào. Đồng thời, ngân hàng và tổ vay vốn cũng hỗ trợ sát sao các hộ gia đình trong quá trình lập hồ sơ vay vốn, xây dựng và thực thi kế hoạch trả nợ. Bên cạnh đó, không chỉ đề cập đến các vấn đề về vay vốn, các tổ vay vốn và ngân hàng cũng cần hướng dẫn người dân các phương thức tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày, đầu tư hiệu quả sinh lời. Mặt khác, hộ gia đình cũng cần hiểu rõ, nâng cao ý thức về chương trình ưu đãi tín dụng trong xây dựng nông thôn mới, nhận thức rõ tầm quan trọng của chương trình để không ỷ lại vào vốn vay, có trách nhiệm với việc sử dụng vốn hơn.

* Đối với chủ thể cung ứng vốn chính thức

NHTM được xem là đối tượng chủ chốt ở khu vực các nước đang phát triển, nhưng với đặc thù của mình, các ngân hàng sẽ tập trung phục vụ cho nhóm khách hàng ở trên ngưỡng nghèo, người có thu nhập ổn định. Như vậy, ở các phân khúc khách hàng từ ngưỡng nghèo trở xuống cần có các mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với thu nhập và nhận thức của dân chúng. Ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng chính sách, ngân hàng nông nghiệp, các quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức TCVM, đặc biệt, ngân hàng chính sách đóng một vai trò chính trong hệ thống ngân hàng đối với việc cung cấp dịch vụ tài chính cho người nghèo (Trần Hữu Ý, 2018). Đồng thời cũng là tổ chức tài chính có mạng lưới rộng lớn tại khu vực nông thôn và các chính phủ thường sử dụng họ chỉ để thúc đẩy tín dụng và tiết kiệm tại những vùng ít mang lại lợi ích thương mại và để thực hiện những chương trình xã hội. Tuy nhiên, dù có mạng lưới rộng khắp, các tổ chức này vẫn chịu những áp lực do chi phí hoạt động cao, việc tạo ra dịch vụ tốt với giá cả phù hợp với người nghèo là rào cản lớn, nhất là vấn đề lãi suất cho vay vốn. Trừ trường hợp có hỗ trợ của Nhà nước như đối với trường hợp của Ngân hàng Chính sách xã hội. Điều này có thể dễ quan sát thấy thông qua biểu lãi suất huy động và cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội so với khối NHTM cổ phần, nhất là khi so với NHTM cổ phần tư nhân. Ngân hàng đại lý hay các công ty tài chính, công ty fintech có vai trò lan tỏa và đem dịch vụ tài chính trở nên gần gũi, dễ dàng tiếp cận, với chi phí rẻ hơn cho các đối tượng chưa thể trực tiếp đến các trung gian tài chính như NHTM. Ưu thế của dịch vụ tài chính dạng này thể hiện ở khả năng tiếp cận tức thì, chi phí thấp, an toàn, sản phẩm và kênh phân phối đa dạng.

* Đối với Ngân hàng Nhà nước

Tiếp tục tham mưu cho Chính phủ về các biện pháp thúc đẩy tiếp cận và sử dụng vốn vay nông nghiệp, nông thôn, rà soát các quy định pháp lý nhằm hạn chế các rào cản đối với nguồn vốn vay chính thức. Mặt khác, NHNN, trong thẩm quyền của mình, cần thúc đẩy việc thực thi Chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện thực chất là một cách tiếp cận tổng thể để đảm bảo cho mọi người dân trong nền kinh tế tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức một cách thuận tiện và phù

hợp, bền vững. Chiến lược này thống nhất các trụ cột để thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện hiệu quả và bền vững. Chú trọng đến thúc đẩy phát triển dịch vụ tài chính trên nền tảng công nghệ số bao gồm chuyển các chương trình thanh toán của chính phủ sang sử dụng các dịch vụ và nền tảng công nghệ số; cung cấp dịch vụ tài chính tới các vùng nông thôn và dân tộc thiểu số còn lạc hậu hoặc những địa phương có tỉ lệ nghèo còn cao hơn tỷ lệ nghèo bình quân cả nước; bảo vệ người tiêu dùng và phổ biến kiến thức tài chính giúp thể hệ người tiêu dùng mới được trang bị tốt hơn với dịch vụ tài chính hiện đại.

Tài liệu tham khảo:

- AFDB (African Development Bank Group) (2016). *Feed Africa - Strategy for agricultural transformation in Africa, 2016-2025*.
- Adegbite, O. O., & Machethe, C. L. (2020). *Bridging the financial inclusion gender gap in smallholder agriculture in Nigeria: An untapped potential for sustainable development*. *World Development*, 127, 104755.
- World Bank (2018), "The Little Data Book on Financial Inclusion 2018".
- Trần Hữu Ý, Vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội trong thúc đẩy tài chính toàn diện, góp phần giảm nghèo bền vững, Báo điện tử NHNN Việt Nam, 3/1/2018, truy cập tại <https://www.sbv.gov.vn>
- OECD (2015), *Chính sách nông nghiệp Việt Nam*
- Trần, C.T. (2014), *Tổng quan về chính sách nông nghiệp ở Việt Nam, Cơ sở dữ liệu chính sách nông nghiệp, Cơ sở dữ liệu chính sách nông nghiệp FFTC, Trung tâm công nghệ thực phẩm và phân bón khu vực Châu Á*, http://ap.fttc.agnet.org/ap_db.php?id=195.
- Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định 255/QĐ-TTg 2021 về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025*.
- Ban chấp hành Trung ương khóa X(2008), *Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*.
- Chính phủ (2010), *Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*.
- Chính phủ (2015), *Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*.
- Ngân hàng Nhà nước (2014), *Quyết định 1051/QĐ-NHNN ngày 28/5/2014 v/v phê duyệt tham gia chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết số 14/NQ-CP của Chính phủ*.
- Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp*.
- Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 540/2014/QĐ-TTg về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra*.
- Chính phủ (2014), *Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản*
- Chính phủ (2018), *Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*.